

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1945 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Long,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 548/BXD-QHKT ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến về đồ án Quy hoạch chung đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3325/SXD-QH ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà

Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2021 của UBND huyện Hà Trung).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch

- Ranh giới lập quy hoạch đô thị bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hà Long, có giới hạn cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp: Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;
- + Phía Nam giáp: Xã Hà Bắc, Hà Giang, huyện Hà Trung;
- + Phía Đông giáp: Phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn;
- + Phía Tây giáp: Xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành.

- Diện tích khu vực lập điều chỉnh quy hoạch: 4.843,01ha.

2. Tính chất, chức năng đô thị

Là đô thị dịch vụ, du lịch phía Tây Bắc huyện Hà Trung, gắn với các di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn), Khu công nghiệp và nút giao (giữa Quốc lộ 217B và đường cao tốc Bắc Nam). Các chức năng chính bao gồm:

- Đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa (giữa Quốc lộ 217B và cao tốc Bắc Nam) gắn với các dịch vụ thương mại, logistic;

- Dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn);

- Công nghiệp gắn liền với Khu công nghiệp Hà Long, Bỉm Sơn và các cụm công nghiệp;

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp.

3. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng 2020 khoảng: 9.719 người;

- Dự báo đến năm 2035 khoảng: 18.000 người;

- Dự báo đến năm 2045 khoảng: 28.000 người.

Dân số tăng thêm đến năm 2045 là: 18.281 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất dân dụng quy hoạch mới: 88,0m²/người. Trong đó:
- + Đất đơn vị ở phát triển mới: 53,7 m²/người;
- + Đất công cộng đô thị: 10,1 m²/người;
- + Đất cây xanh đô thị: 5,2 m²/người.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước:
 - + Sinh hoạt (Qsh) : 80 lít/người-ngđ;
 - + Công nghiệp : 25m³/ha-ngđ cho tối thiểu 60% diện tích;
 - + Nông nghiệp công nghệ cao: 25m³/ha-ngđ.
- Cấp điện:
 - + Sinh hoạt dân dụng: 750 Kwh/ người.năm;
 - + Công nghiệp: 140 KW/ha (CCN) và 160KW/ha (KCN);
 - + Nông nghiệp công nghệ cao: 10 KW/ha.
- Thoát nước thải : Tách riêng thoát mưa;
- Tiêu chuẩn thoát nước : $\geq 80\%$ cấp nước;
- Tiêu chuẩn xử lý CTRsh : $\geq 0,8$ kg/người/ngày.

5. Hướng phát triển và cải tạo đô thị

5.1. Định hướng phát triển không gian toàn đô thị

a) Định hướng các khu vực phát triển không gian đô thị Hà Long:

* Dựa trên 03 khu vực chính:

- Khu vực phát triển Khu công nghiệp (KCN) Hà Long gần với KCN Bim Sơn; Bố trí dự trữ phát triển KCN tại khu vực các mỏ sét;

- Khu vực phát triển Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNCNC) kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp tại khu vực từ chân núi Thiên Tôn đến chân núi Khe Cỏi. Khu đất cơ bản thuộc đất của nông trường Hà Trung (phía Tây đường cao tốc Bắc Nam).

- Khu vực không gian đô thị hiện hữu trên cơ sở kế thừa định hướng theo quy hoạch cũ, lấy khu vực Lăng miếu Triệu Tường làm hạt nhân, phát triển đô thị về hai phía Quốc lộ 217B:

+ Nghiên cứu các khu vực phát triển dịch vụ thương mại, logistics... gắn với nút giao (giữa Quốc lộ 217B và cao tốc Bắc Nam);

+ Phát triển các Cụm Công nghiệp về phía Tây Nam Quốc lộ 217B cải dịch tránh đi qua đô thị hiện hữu.

b) Trục giao thông của đô thị:

Trên cơ sở các khu vực phát triển đô thị, bố trí mạng lưới giao thông đô thị đáp ứng nhu cầu liên kết giữa các khu vực này.

* Hướng Bắc - Nam: Dọc theo hướng tuyến của đường cao tốc, bố trí hai tuyến đường được xem như đường gom:

- Tuyến phía Tây: Từ cửa ngõ khu NNCNC-GOLF kéo dài tuyến tỉnh lộ 522B qua khu vực phát triển đô thị xuống phía Nam, liên kết các xã Hà Long, Hà Giang, Hà Tiến.

- Tuyến phía Đông: Từ Quốc lộ 1A (dốc Xây) men theo phía Tây KCN đi về phía Nam liên kết với các xã Hà Bắc, Hà Tiến dọc theo cao tốc Bắc Nam.

* Hướng Đông - Tây:

- Quốc lộ 217B trục liên kết đã có;

- Tuyến Trần Hưng Đạo kéo dài liên kết với đường giao thông đối ngoại phía Đông đường cao tốc (tỉnh lộ 522B).

- Cầu vượt nội đường gom phía Đông và phía Tây của cao tốc Bắc Nam.

c) Trục chính không gian:

* Trục không gian của đô thị được hình thành 02 trục chính:

- Trục tỉnh lộ 522 cũ đi qua khu di tích Lăng miếu Triệu Tường (trục này cần hạn chế những phương tiện vận tải đi qua, tránh ảnh hưởng đến không gian di tích); trong tương lai sẽ là trục cảnh quan chính cho khu vực trung tâm đô thị, tạm gọi là trục Văn hóa – Lịch sử.

- Trong tương lai khi cải dịch Quốc lộ 217B tránh khu vực di tích thì tuyến Quốc lộ 217B cũ sẽ trở thành trục chính đô thị, xuyên suốt từ cầu Long Khê đến khu vực Cụm công nghiệp. Trong tương lai đây được xem là trục phát triển kinh tế thương mại của đô thị, tạm gọi là trục Kinh tế thương mại.

5.2. Định hướng cải tạo không gian đô thị

- Đối với các khu vực di tích lịch sử: Khoanh vùng bảo vệ di tích không làm ảnh hưởng đến Quy hoạch bảo tồn di tích. Ổn định tối đa không gian nông nghiệp xung quanh khu di tích (trồng lúa nếp cái Hoa Vàng – sản vật tiến Vua của địa phương). Đây được xem như không gian đệm, tạo cảnh quan cho di tích và đảm bảo tầm nhìn đối với khu di tích.

- Đối với các khu dân cư hiện trạng: Cải tạo, chỉnh trang, xen cây nâng cao mật độ trên cơ sở hiện trạng, bổ sung hệ thống cơ sở hạ tầng, sân chơi, vườn hoa cây xanh, từng bước cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị, đảm bảo quy mô theo quy chuẩn.

- Đối với các khu vực danh lam thắng cảnh: Núi Thiên Tôn, Hồ Bến Quân, Đền Ròng... cần được bảo tồn, tôn tạo để phát huy được các yếu tố đặc trưng của cảnh quan đô thị gắn liền với các danh thắng này.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích quy hoạch: 4.843,0 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng đô thị: 2.856,0 ha, trong đó:

+ Đất dân dụng hiện trạng: 239,4 ha;

+ Đất dân dụng quy hoạch mới: 160,8 ha;

+ Đất ngoài dân dụng: 2.455,7 ha;

- Đất khác: 1.987,1ha.

6.1. Chỉ tiêu và cơ cấu sử dụng đất

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn:

TT	TÊN LÔ ĐẤT	KÝ HIỆU	ĐẾN 2035 (18.000 NGƯỜI)		ĐẾN 2045 (28.000 NGƯỜI)	
	TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH		4843.0	100.0	4843.0	100.0
A.	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ		2545.0	52.6	2856.0	59.0
I.	ĐẤT DÂN DỤNG HIỆN TRẠNG		239.4		239.4	
1.1	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	OHT	179.1	3.7	179.1	3.7
1.2	ĐẤT CÔNG CÔNG HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ		11.8	0.2	11.8	0.2
1.3	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		48.5	1.0	48.5	1.0
II.	ĐẤT DÂN DỤNG MỚI		103.4	2.1	160.8	3.3
2.1	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở	DCM	60.1	1.2	98.2	2.0
2.1.1	<i>ĐẤT ĐƠN VỊ Ở MỚI</i>		38.7		57.0	
2.1.2	<i>ĐẤT Ở TĐC VÀ NHÀ Ở CÔNG NHÂN KCN</i>		21.4		41.2	
2.2	ĐẤT CÔNG CÔNG ĐÔ THỊ		18.1	0.4	28.3	0.6
2.2.1	<i>ĐẤT CÔNG CỘNG KCN</i>	<i>CCO-03</i>			3.9	

TT	TÊN LÔ ĐẤT	KÝ HIỆU	ĐẾN 2035 (18.000 NGƯỜI)		ĐẾN 2045 (28.000 NGƯỜI)	
2.2.2	TRUNG TÂM VĂN HÓA	TTVH-01			3.8	
2.2.3	ĐẤT GIÁO DỤC	GD-01			2.5	
2.2.4	ĐẤT THƯƠNG MẠI		15.3		15.3	
	TT THƯƠNG MẠI ĐÔ THỊ	DVTM-03	4.0		4.0	
	TT THƯƠNG MẠI KCN	DVTM-04	9.9		9.9	
	CHỢ	DVTM-05	1.4		1.4	
2.2.5	ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO	TDTT-01	2.8		2.8	
2.3	ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ		10.4	0.2	14.5	0.3
2.4	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		14.8	0.3	19.9	0.4
III.	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		2202.2	45.5	2455.7	50.7
3.1	ĐẤT DI TÍCH	DT	37.1		37.1	
3.2	ĐẤT DỊCH VỤ HỖN HỢP	HH	17.1	0.4	39.0	0.8
3.3	ĐẤT THƯƠNG MẠI	DVTM	16.5	0.3	16.5	0.3
3.4	DL NGHỈ DƯỠNG - GOLF - NNCNC		410.4	8.5	410.4	8.5
3.4.1	DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG		63.6		63.6	
3.4.2	ĐẤT SÂN GOLF		184.8		184.8	
3.4.3	NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CNC		148.1		148.1	
3.4.4	GIAO THÔNG		13.9		13.9	
3.5	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	KCN, CCN, CN	774.8	16.0	921.9	19.0
3.6	ĐẤT CÂY XANH		110.7	2.3	137.1	2.8
3.6.1	CÂY XANH CÔNG VIÊN	CX-04	11.0		11.0	
3.6.2	CÂY XANH CÔNG VIÊN	CX-08			26.4	
3.6.3	CÂY XANH	CX-09	1.6		1.6	
3.6.4	CÂY XANH CHUYÊN DỤNG		98.1		98.1	
3.7	ĐẤT GIAO THÔNG		230.9	4.8	289.0	6.0
3.8.1	ĐƯỜNG CAO TỐC BẮC NAM		95.3		95.3	
3.8.2	ĐẤT GIAO THÔNG ĐÔ THỊ		135.6		193.7	
3.8	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU MỐI		25.2	0.5	25.2	0.5
3.8.1	BẾN XE	HTKT-01	2.9		2.9	
3.8.2	NHÀ MÁY NƯỚC	HTKT-02	1.7		1.7	
3.8.3	ĐẤT NGHỈA TRANG	NTĐ	20.6		20.6	
3.9	ĐẤT QUỐC PHÒNG		579.6		579.6	
B.	ĐẤT KHÁC		2298.0	47.4	1987.1	41.0
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NN	539.3	11.1	248.4	5.1
2	ĐẤT LÂM NGHIỆP	LN	1632.9	33.7	1632.9	33.7
2.1	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ	RPH-01	235.0		235.0	
2.2	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT	RSX	1397.9		1397.9	
3	ĐẤT SÔNG SUỐI, MẶT NƯỚC	MN	125.8		105.8	

6.2. Các khu vực chức năng

6.2.1. Khu chức năng dịch vụ thương mại, dịch vụ tổng hợp: Trên cơ sở là đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa, giữa Quốc lộ 217B và đường cao tốc Bắc Nam bố trí các khu chức năng dịch vụ thương mại, dịch vụ tổng hợp tại các vị trí dễ tiếp cận với hai tuyến giao thông quan trọng này.

a) Khu vực phát triển dịch vụ thương mại cấp vùng:

- Khu 1: Bố trí tại khu vực giáp đường dẫn nút giao nhập luồng Gia Miêu cả phía Đông; Khu đất có ký hiệu: DVTM-02; Quy mô diện tích khoảng: 11,6 ha;

- Khu 2: Bố trí về phía Tây, giữa QL217B hiện hữu và QL217B cải dịch. Khu đất có ký hiệu: DVTM-01 và DVTM-01a; Quy mô diện tích khoảng: 4,9 ha;

b) Khu vực phát triển dịch vụ tổng hợp: Bố trí tại khu vực đối diện đường dẫn nút giao nhập luồng Gia Miêu về phía Đông cao tốc; Quy mô diện tích: 39,0 ha.

6.2.2. Khu chức năng đơn vị ở:

a) Đất đơn vị ở hiện trạng: 179,1ha; chiếm 6,3% đất xây dựng đô thị; Là các khu vực dân cư hiện hữu cải tạo (đất ở nông thôn bao gồm cả đất nông nghiệp); đất nông nghiệp khác trong khu dân cư hiện trạng cần kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đúng mục đích sử dụng đất.

b) Đất đơn vị ở mới: 98,2 ha, đạt chỉ tiêu 53,7 m²/người; chiếm 3,4% đất xây dựng đô thị, trong đó:

- Diện tích phát triển đơn vị ở mới của đô thị: 57,0 ha;

- Diện tích đất dân cư tái định cư và nhà ở cho người lao động trong khu công nghiệp: 41,2 ha; Là các khu vực bố trí dân cư tái định cư và nhà ở cho người lao động trong khu công nghiệp.

6.2.3. Khu di tích lịch sử: Khoanh vùng bảo vệ các khu vực di tích lịch sử và không gian phát huy giá trị di tích tại Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường (Quốc Miếu nhà Nguyễn); Quy mô diện tích khoảng: 37,1 ha; bao gồm: 22,4 ha đất khu vực di tích và 14,7ha không gian phát huy giá trị di tích. Riêng khu vực núi Thiên Tôn có diện tích 196,17ha là vùng bảo vệ cảnh quan lăng Trường Nguyên, nằm ngoài khu vực di tích gốc, hiện nay là đất rừng phòng hộ và được cấm mốc bảo vệ theo phạm vi cấm mốc giới xác định tại Quyết định số 3913/QĐ- UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh. Cấm tất cả các hoạt động xây dựng và khai thác tài nguyên đất, đá, nước trong khu vực trên.

6.2.4. Khu chức năng công nghiệp:

a) Khu Công nghiệp Hà Long: Bố trí giáp với Khu A, Khu Công nghiệp Bim Sơn về phía Đông đường cao tốc Bắc Nam và phía đồi sét Quyền

Cây. Tổng diện tích đất Khu Công nghiệp Hà Long khoảng: 538 ha, trong đó đất quy hoạch Khu Công nghiệp khoảng 494,1ha/538,0ha.

b) Đất khu A khu công nghiệp Bim Sơn: 189,6ha/307,6 ha.

c) Cụm Công nghiệp: Bố trí các Cụm Công nghiệp về phía Tây Nam QL217B cải dịch, giáp nghĩa trang Dú Vực. Tổng diện tích đất Cụm Công nghiệp khoảng: 221,8ha.

d) Đất công nghiệp hiện trạng: 16,4ha (Nhà máy Vinastone)

e) Khu phụ trợ cho Khu công nghiệp: Bố trí khu phụ trợ khu vực giáp Khu Công nghiệp để phục vụ một phần nhu cầu của công nhân làm việc tại Khu công nghiệp. Tổng diện tích: 55 ha; bao gồm:

- Đất công cộng: 3,9ha;

- Đất thương mại dịch vụ: 9,9ha;

- Đất xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân làm việc trong khu công nghiệp: 41,2ha.

6.2.5. Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp (sân Golf):

- Bố trí tại khu vực từ chân núi Thiên Tôn đến chân núi Khe Cái. Khu đất cơ bản thuộc đất của nông trường Hà Trung (phía Tây đường bộ cao tốc Bắc - Nam). Tổng diện tích khu đất khoảng: 410,4 ha, trong đó:

- Đất xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng: 63,6ha;

- Đất xây dựng khu sân Golf: 184,8ha;

- Đất xây dựng khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: 148,1ha.

- Đất giao thông: 13,9 ha

- Việc đầu tư xây dựng sân golf yêu cầu phải đảm bảo điều kiện về sử dụng đất và các điều kiện khác có liên quan theo quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf.

6.2.6. Các trung tâm và không gian mở của đô thị.

a) Khu trung tâm Hành chính, Văn hóa, Thể thao, Y tế, Giáo dục của đô thị: Ưu tiên bố trí quỹ đất quy hoạch các công trình, thiết chế văn hóa - thể thao của đô thị đảm bảo theo tiêu chuẩn và tạo điểm nhấn phát triển đô thị.

- Trụ sở hành chính của đô thị: Bố trí tại vị trí cũ với quy mô diện tích: 2,6 ha để xây dựng các chức năng: Công sở xã, hội trường, công an;

- Trung tâm Văn hóa – Thể thao đô thị: Bố trí tập trung tại khu đất giáp trung tâm hành chính của đô thị về phía Tây, quy mô diện tích 3,8 ha để xây dựng các hạng mục: Trung tâm Văn hóa – Thể thao, Cung văn hóa, Cung thiếu nhi;

- Trung tâm Y tế của đô thị : Bố trí tại khu vực trạm y tế cũ với quy mô diện tích 1,8 ha;

- Trung tâm giáo dục của đô thị cơ bản bố trí tại khu vực các trường học hiện có với tổng diện tích 8,1 ha. Trong đó bố trí khu vực mới có diện tích khoảng 2,5 ha về phía Đông trường tiểu học hiện trạng, để phục vụ nhu cầu của đô thị trong tương lai.

b) Khu trung tâm thương mại của đô thị:

- Được bố trí tại khu vực đối diện với đường dẫn nút giao nhập luồng Gia Miêu phía Tây nằm trên trục đường tỉnh 522 cải dịch;

- Bố trí 1,4 ha để xây dựng Chợ và 4,0ha để xây dựng Trung tâm Thương mại dịch vụ phục vụ cho đô thị.

6.2.7. Công viên cây xanh và không gian mở của đô thị:

a) Công viên cây xanh: Bố trí 02 công viên cây xanh đô thị phục vụ cho nhu cầu sử dụng của đô thị:

- Công viên cây xanh trung tâm: được bố trí kết hợp với cảnh quan mặt nước, phục vụ thoát nước mặt khu vực phía Tây Nam đô thị tạo không gian xanh nghỉ ngơi cho dân cư trung tâm đô thị và người lao động làm việc tại các Cụm công nghiệp, trung tâm thương mại cấp vùng phía Tây cao tốc; Diện tích khu công viên cây trung tâm khoảng: 11,0ha.

- Công viên cây xanh Hồ Bến Quân: Đây cũng là không gian phát huy giá trị danh thắng Hồ bến Quân. Công viên được bố trí kết hợp với cảnh quan mặt nước của một nhánh của hồ Bến Quân tạo không gian xanh nghỉ ngơi, vui chơi giải trí cho dân cư đô thị và người lao động làm việc tại Khu công nghiệp và trung tâm dịch vụ tổng hợp phía Đông cao tốc; Diện tích khu công viên cây trung tâm khoảng: 26,4ha.

b) Sân tập luyện thể thao cơ bản: Được bố trí tại khu trung tâm đô thị, giáp khu đất bố trí đất giáo dục. Diện tích khu đất khoảng: 2,8ha có thể bố trí như một không gian mở như một quảng trường để tổ chức những hội thi, lễ hội, hay những hoạt động tập trung đông người khác.

c) Các khu vực khác: Các khu vực ruộng lúa quanh khu vực quy hoạch Di tích cũng có thể trở thành những không gian mở phục vụ những hoạt động văn hóa như lễ hội ngày mùa, lễ hội xuống đồng và những lễ hội khác gắn liền với quần thể di tích lịch sử, với hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

a) Đường giao thông đối ngoại:

- Đường cao tốc Bắc - Nam: Được thiết kế đảm bảo quy mô 6 làn xe theo "Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030". Là tuyến đường giao thông huyết mạch của Quốc gia, tạo mối liên hệ tốt giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ và các tỉnh phía Nam. Cụ thể đoạn qua đô thị Hà Long được đề xuất thiết kế mới quy mô 6 làn xe chính và 4 làn xe đường gom có ký hiệu A-A; Chi giới đường đỏ rộng 120,0m. Hiện nay tuyến đang được triển khai đầu tư xây dựng, đoạn qua đô thị Hà Long dài khoảng 8km; Đoạn tuyến qua địa bàn tỉnh đạt tốc độ 80km/h, quy mô 4 làn xe.

- Tuyến Quốc lộ 217B chiều dài tuyến qua đô thị khoảng 5,9km. Quy mô cấp đường quy hoạch được giữ nguyên đường cấp III đồng bằng, 02 làn xe cơ giới.

- Tuyến Quốc lộ 217B cải dịch nhằm giảm tải lưu lượng giao thông cho tuyến Quốc lộ 217B đoạn chạy qua trung tâm đô thị và di tích lịch sử Gia Miêu trang được xây dựng mới nằm phía Nam Quốc lộ 217B hiện nay với tổng chiều dài tuyến 4,0Km với điểm đầu vượt cao tốc Bắc Nam tại lý trình Km296+800 thuộc xã Hà Bắc, huyện Hà Trung; điểm cuối tại lý trình Km8+650 thuộc thôn Đông Quảng xã Hà Lĩnh; với quy mô quy mô cấp III đồng bằng, 02 làn xe cơ giới; lộ giới 44,5m. Mặt đường Bm = 2x9,0m+2x6,0m; Phân cách 2x2,0+0.5m; Hè đường Bh = 2x5,0m. Trong giai đoạn đầu điểm đầu nhập vào nhánh phía Tây nút nhập luồng Gia Miêu.

- Xây mới tuyến tỉnh lộ mới đi phía Đông cao tốc Bắc Nam tạo thành hệ thống đường trục kinh tế của vùng, tuyến đường nối các xã Hà Long - Hà Giang - Hà Tiến - Hà Tân - Hà Lĩnh - Hà Sơn; chiều dài qua đô thị Hà Long 8,0km với quy mô quy mô cấp III đồng bằng, 04 làn xe, lộ giới 34,0m. Điểm đầu giao với Quốc lộ 1A tại lý trình Km286+300; điểm cuối giao với tỉnh lộ 522B kéo dài tại đê sông Mã thuộc xã Hà Sơn.

b) Công trình đầu mối giao thông: Trong giai đoạn ngắn hạn tiến hành xây dựng mới một bến xe loại 4 tại gò Sốt thôn Gia Miêu 2 nằm phía Tây đường tỉnh 522B với quy mô 2,9ha.

c) Đường cấp đô thị:

- Tuyến Quốc lộ 217B là tuyến đường trục chính xuyên suốt của đô thị với tổng chiều dài 5,9Km, quy mô mặt cắt ngang 40,0m.

- Tuyến Quốc lộ 217B cải dịch là tuyến đường tránh của đô thị với tổng chiều dài 5,9Km, quy mô mặt cắt ngang 44,5m.

- Tuyến tỉnh lộ 522B:

+ Cải dịch đường tỉnh 522B đoạn đi qua KCN Hà Long phía Nam KCN Hà Long; Điểm đầu là nút C4 (dự án tuyến đường C-C4 khu A KCN Bim Sơn), điểm cuối giao với tuyến tỉnh lộ mới nằm phía Đông đường cao tốc Bắc Nam về phía Bắc hồ Bến Quân với quy mô 6 làn xe, quy mô mặt cắt ngang 40,0m. Mặt đường B-m = 2x12,0m; Phân cách 6,0m; Hè đường Bh = 2x5,0m.

+ Nâng cấp đoạn tuyến 522B từ điểm cầu vượt trục thông cao tốc Bắc Nam lên thành đường chính đô thị nhằm kết nối khu nông nghiệp công nghệ cao và tổ hợp sân Golf với nút nhập luồng Gia Miêu và trung tâm đô thị, với quy mô quy mô cấp III đồng bằng, 04 làn xe cơ giới; lộ giới 25,0m. Mặt đường Bm = 15,0m; Hè đường Bh = 2x5,0m.

- Tuyến tỉnh lộ mới (dự kiến là tuyến tỉnh lộ mới thay thế tỉnh lộ 522B) theo quy hoạch vùng huyện Hà Trung đến năm 2045 là trục chính đô thị, kết nối khu công nghiệp phía Bắc với nút giao đường cao tốc Bắc Nam, chiều dài đoạn qua đô thị là 8,0km; quy mô mặt cắt ngang 34,0m. Mặt đường Bm = 2x10,5m; Phân cách 3,0m; Hè đường Bh = 2x5,0m.

- Ngoài tuyến các tuyến Quốc lộ 217B; Quốc lộ 217B cải dịch và tỉnh lộ mới, tiến hành cải tạo và xây mới các tuyến đường chính khác, song song và vuông góc với Quốc lộ 217B, tạo thành mạng lưới đường chính đồng bộ và phân bố đều trong khu vực thiết kế, các tuyến đường chính có quy mô (17,5 - 25,0)m.

7.2. Quy hoạch cấp nước

* Tổng nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp và đô thị đến năm 2045 là: 32.700m³/ng.đêm.

* Nguồn nước:

- Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước nằm phía Nam hồ Bền Quân phục vụ cho đô thị và cụm công nghiệp với công suất $Q = 2.500\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ khai thác nguồn nước mặt hồ Bền Quân, trong giai đoạn dài hạn bổ sung nguồn nước thô từ phương án cấp nước cho KCN Bim Sơn tại Quyết định 1013/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

- Đối với khu công nghiệp phía Bắc và Khu tổ hợp du lịch Nghi Dưỡng - Golf - Nông nghiệp công nghệ cao có tổng nhu cầu dùng nước khoảng $22.700\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ được lấy nguồn từ phương án nước cấp cho KCN Bim Sơn theo Quyết định 1013/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Đối với nước sinh hoạt: Xây dựng mới trạm bơm tăng áp công suất $2.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại ngã ba đường Bà Triệu - Hồ Tùng Mậu, thị xã Bim Sơn lấy nước từ đường ống nước thô DN1000 cấp nước bổ sung cho hồ Bền Quân.

- Mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Dự kiến sẽ xây dựng mạng lưới đường ống đến năm 2045 tạo thành các mạng vòng. Từ các ống chính $\Phi 200-\Phi 110$ của đô thị sẽ nối các ống có đường kính từ $\Phi 90 - \Phi 50$ vào các khu dân cư.

+ Lắp đặt họng cứu hoả trên các đoạn ống $\Phi 110-\Phi 200$, bán kính phục vụ của các họng cứu hoả 150m. Sử dụng hệ thống cứu hoả áp lực thấp.

7.3. Quy hoạch San nền - Thoát nước

a) Chuẩn bị nền xây dựng.

- Khu vực dọc theo đường Quốc lộ 217B giữ nguyên hiện trạng: Cao độ nền ($6,15 \div 8,20$)m.

- Khu vực phía Tây đường cao tốc Bắc Nam:

+ Khu vực nông trường Hà Trung cơ bản không san nền chỉ san gạt cục bộ tạo mặt bằng đầu tư xây dựng các khu chức năng phục vụ sân Golf.

+ Phía Bắc Quốc lộ 217B đến chân núi Thiên Tôn ổn định phần dân cư hiện trạng, đối với khu vực dự kiến phát triển đô thị - Cao độ nền xây dựng ($7,70 \div 9,50$)m.

+ Phía Nam Quốc lộ 217B đến Quốc lộ 217B cải dịch - Cao độ nền xây dựng ($4,50 \div 8,30$)m.

+ Khu vực quy hoạch đất cụm công nghiệp phía Tây Nam Quốc lộ 217B cải dịch - Cao độ nền xây dựng ($5,2 \div 8,2$)m.

- Khu vực phía Đông đường cao tốc Bắc Nam:

+ Phía Nam Quốc lộ 217B ổn định phân dân cư hiện trạng, đối với khu vực đất dịch vụ thương mại - Cao độ nền xây dựng (6,2 ÷ 7,0)m

+ Phía Bắc Quốc lộ 217B đến sông Long Khê và phía Nam hồ Bền Quân - Cao độ nền xây dựng (4,5 ÷ 7,0)m.

+ Khu vực quy hoạch khu công nghiệp và đô thị nằm phía Bắc Sư đoàn 390 - Cao độ nền xây dựng (15,5 ÷ 48,0)m.

b) Phân chia lưu vực thoát nước mặt:

Hệ thống thoát nước mưa được chia làm 06 lưu vực chính gồm:

* Lưu vực 1 (diện tích 2529,1 ha): thuộc phần đất quy hoạch khu công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao, đất đồi núi phía Bắc nước mưa qua trục tiêu suối đập tràn cải tạo mở rộng thu nước về hồ Bền Quân sau đó thoát ra sông Long Khê đổ ra sông Tống.

* Lưu vực 2 (diện tích 513,1 ha): thuộc đất quy hoạch đồi núi rừng sản xuất và rừng phòng hộ nước mưa thông qua trục tiêu suối Lợi về suối suối Vạn Bảo sau đó thoát vào sông Hoạt.

* Lưu vực 3 (diện tích 354,9 ha): thuộc một phần đất quy hoạch cụm công nghiệp phía Tây Nam đô thị Hà Long nước mưa thoát về suối suối Vạn Bảo sau đó thoát vào sông Hoạt.

* Lưu vực 4 (diện tích 796,3 ha): Gồm toàn bộ diện tích đất xây dựng đô thị Hà Long nằm phía Tây đường cao tốc và phía Nam núi Thiên Tôn, nước mưa được tập trung vào hệ thống mương tiêu chính của xã Hà Long sau đó thoát ra sông Long Khê rồi về sông Tống.

* Lưu vực 5 (diện tích 200,9 ha): Gồm diện tích đất phát triển đô thị phía Đông đường cao tốc đến chặn đê phía Nam hồ Bền Quân, nước mưa được thu gom và thoát trực tiếp ra sông Long Khê rồi về sông Tống.

* Lưu vực 6 (diện tích 796,4 ha): Khu vực đồi núi và đất Quân sự phía Đông Bắc giáp với phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn nước mưa thoát trực tiếp ra suối Sông rồi về sông Tam Điệp.

- Hệ thống: Cải tạo các đường cống cũ, xây dựng hệ thống cống thoát nước riêng.

- Mạng lưới: Tập trung về suối Đập tràn, suối Lợi, suối Vạn Bảo; sông Long Khê và hệ thống mương hờ chính xã Hà Long.

- Kết cấu: Dùng kết cấu hỗn hợp, mương hở, mương xây trong các đường ngõ nhỏ, cống hộp ở các đường lớn hoặc cống tròn bê tông đường phố chính.

c) Thoát nước thải:

- Giải pháp thoát nước bản sẽ là xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước thải sinh hoạt khu dân cư, khu công cộng sau khi được xử lý tại chỗ qua bể tự hoại của từng công trình sẽ được dẫn về các trạm xử lý nước thải đã được bố trí theo lưu vực thoát nước; Toàn bộ nước thải của đô thị sau khi đã xử lý đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế trước khi đổ vào sông Long Khê.

- Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải (TXLNT_ĐT) cho khu vực dân cư và khu công cộng với tổng công suất 2.200m³/ng.đêm; kết hợp xây dựng các trạm bơm tách nước thải vận chuyển toàn bộ nước thải thu gom về trạm xử lý.

- Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải cho công nghiệp với tổng công suất 11.500m³/ng.đêm, trong đó nước thải (TXLNT_CCN) cho Cụm công nghiệp 1.500m³/ng.đêm; nước thải (TXLNT_KCN) cho Khu công nghiệp 10.000m³/ng.đêm.

7.4. Quy hoạch chất thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang

a) Thu gom chất thải, vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 0,8kg/người.ngày đêm ~ WSH = 20,16 (tấn/ngày.đêm).

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh: 0,3 tấn/ha.ngđêm ~ WCN = 194,0 (tấn/ngày.đêm).

- Tỷ lệ thu gom: 90% lượng chất thải rắn được thu gom.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn từ các thùng rác và vận chuyển đến trạm trung chuyển được đặt tại thôn Yên Vĩ diện tích 2,0ha; chất thải rắn từ trạm trung chuyển sẽ được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp: Được phân loại ngay từ các nhà máy và các đơn vị sản xuất sau đó được vận chuyển trực tiếp đến khu xử lý tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn.

b) Nghĩa trang:

- Cải tạo mở rộng nghĩa trang Bãi Tròn thôn Yên Vĩ xã Hà Long theo mô hình công viên nghĩa trang, từ quy mô 6,42 ha lên 11,6ha.

- Khu nghĩa trang tập trung hiện có đang sử dụng các hình thức chôn lấp hỗn hợp gồm có khu vực địa táng và cải táng. Nghĩa trang nằm cách xa khu dân cư tối thiểu là 500m, khuyến khích cải tạo chỉnh trang theo mô hình nghĩa trang sinh thái, tiến tới đóng cửa và chuyển thành công viên nghĩa trang, trong tương lai cần di chuyển.

7.5. Quy hoạch cấp điện

Tổng công suất điện làm tròn: 118.400,0KVA; trong đó:

- Điện cấp cho sinh hoạt: 10.600,0 (KVA);
- Điện cấp cho Cụm công nghiệp: 29.900,0 (KVA);
- Điện cấp cho Khu công nghiệp :74.400,0 (KVA);
- Điện cấp cho Khu du lịch nghỉ dưỡng- sân Golf-Nông nghiệp công nghệ cao: 3.900,0 (KVA).

a) Nguồn điện:

Hiện tại trong giới hạn nghiên cứu lập quy hoạch có tuyến đường dây cao áp 110KV; các tuyến đường dây trung áp 35KV và 22KV. Tuyến đường dây trung áp 35KV và 22KV cấp nguồn từ trạm biến áp 110KV Hà Trung, cấp điện cho các trạm biến áp trong khu vực cung cấp điện sinh hoạt và điện sản xuất công nghiệp.

b) Lưới điện:

- Lưới điện 110KV: Trong khu quy hoạch có đường dây 110KV đi qua có chiều dài 6,7km; vị trí và hướng tuyến giữa nguyên theo hiện trạng.

Lưới điện 35 KV: Đường dây trung áp 35KV được cấp điện từ trạm biến áp 110KV Hà Trung đi cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải 35/0.4KV. Lưới điện 35KV trong giới hạn lập quy hoạch có chiều dài 10,8km.

Lưới 22KV: Đường dây trung áp 22KV được cấp điện từ trạm biến áp 110KV Hà Trung đi cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải 22/0,4KV. Lưới điện 22KV trong giới hạn lập quy hoạch có chiều dài 4,5km.

Lưới điện hạ thế đi nội, dây dẫn là cáp vặn xoắn hoặc dây nhôm bọc nhựa cách điện. Lưới điện hạ thế có thể bố trí đi cùng cột với lưới điện phân phối 35/22KV. Bán kính phục vụ của lưới điện hạ thế luôn nhỏ hơn 300m.

Lưới điện chiếu sáng: Lưới điện chiếu sáng trong các khu ở được bố trí đi cùng cột với lưới điện hạ thế, lưới điện chiếu sáng trong các khu trung tâm dùng cáp ngầm. Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan đô thị và phải đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07-7:2016.

7.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng: Tiếp tục duy trì nâng cấp điểm Bưu điện – Văn hóa xã đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ nhân dân trên địa bàn.

b) Hạ tầng viễn thông.

* Mạng điện thoại cố định, Internet cố định.

Với nhu cầu dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng viễn thông trong khu vực nghiên cứu cần đầu tư nâng cấp trạm truy nhập vệ tinh, đảm bảo 80% số hộ được sử dụng hạ tầng mạng internet băng thông rộng.

* Mạng thông tin di động

Đầu tư xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động thân thiện với môi trường, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực nghiên cứu.

Phạm vi bán kính phủ sóng của 01 trạm từ 300 đến 500 m, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ thông tin di động băng thông rộng tốc độ cao, xây dựng cột ăng ten thân thiện với môi trường.

* Mạng truyền dẫn.

Mạng cáp được xây dựng ngầm hóa toàn bộ các tuyến cáp dọc các tuyến đường chính, đường nội bộ trong khu vực nghiên cứu nhằm đảm bảo an toàn thông tin và mỹ quan đô thị.

Xây dựng hệ thống cống bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng sử dụng chung cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bể để phát triển dịch vụ.

8. Quy định bảo vệ môi trường

Các khu xử lý nước thải được phân ra theo từng lưu vực thoát nước để đảm bảo nước tự chảy, nước sau khi được xử lý sẽ được thoát ra sông Long Khê.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được phân loại tại nguồn, thu gom và đưa về khu chứa chất thải rắn tập trung (theo quy hoạch).

- Nghiêm cấm việc chăn thả gia súc, gia cầm trên đường phố coi trọng việc trồng cây xanh, tạo cho đô thị môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp. Tổ chức thu gom xử lý rác thải 100%.

- Trồng cây xanh 2 bên trục đường giao thông, chọn loại cây có nhiều bóng mát, ít sâu bệnh và chịu được gió bão. Xây dựng và trồng cây cho khu công viên chính của đô thị, đặc biệt chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn cây xanh với mặt nước, tạo thành điểm nhấn của đô thị, đáp ứng yêu cầu vui chơi nghỉ ngơi của đô thị. Tổ chức trồng cây xanh, sân vườn, khuôn viên, bồn hoa, trong các cơ quan nhà nước, công trình công cộng...vv.

9. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

- Dự án đầu tư các Cụm công nghiệp Hà Long I, II;
- Dự án đầu tư khu Du lịch cao cấp; sân Golf; khu Nông nghiệp ứng dụng CNC Hà Long;
- Dự án đầu tư Khu công nghiệp Hà Long;
- Dự án đầu tư Tuyến nối từ nút giao Hà Long đi KCN Hà Long;
- Dự án đầu tư Tuyến nối từ nút giao vào Khu Nông nghiệp công nghệ cao và sân Golf Hà Long;
- Dự án đầu tư Tuyến đường tránh Quốc lộ 217B;
- Dự án đầu tư Nhà máy nước sạch Hà Long;
- Trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử Lăng Miếu Triệu Tường;
- Thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống trường học khu vực Hà Long;
- Thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư mới;
- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường liên khu vực, đường chính khu vực, trạm nước thải, trạm biến áp mới;
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt đô thị với hướng đầu tư đồng bộ - hiện đại;
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, chiếu sáng các trục chính;
- Cải tạo chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có, đáp ứng tiêu chí đô thị loại V.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.**1. UBND huyện Hà Trung có trách nhiệm:**

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Long, huyện Hà Trung đến năm 2045 cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật 35/2018/QH14.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H7.(2021)QDPĐ Hà Long

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm